TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/HNGĐ-ST
Ngày 24-7-2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Phi Anh Toàn;

2. Bà Đặng Thị Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nhâm Hoàng Long - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 117/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Ngọc T, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ 26, ấp 6, xã T, huyện U, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- Bị đơn: Anh Phan Văn C, sinh năm 1977; địa chỉ: Tổ 26, ấp 6, xã T, huyện U, tỉnh Bình Dương, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 6 năm 2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Ngọc T và anh Phan Văn C tìm hiểu nhau trong khoảng thời gian hơn 01 (một) năm thì về chung sống với nhau từ năm 1999, không có tổ chức lễ cưới. Đến năm 2001 mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện U (nay là huyện U), tỉnh Bình Dương và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 42, quyển số 2 ngày 18/4/2001. Chị T sống cùng gia đình chồng tại xã T, huyện U (nay là huyện U), tỉnh Bình Dương, vợ chồng hạnh phúc đến năm 2014 không còn hạnh phúc, bắt đầu phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, giữa vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ, không có sự tin tưởng. Anh C thường xuyên nhậu nhẹt, hay nghen tuông vô cớ, khi chị T nói lại thì bị đánh nên chỉ biết im lặng để chịu đựng. Anh C thường xuyên đi vắng nên mọi công việc trong nhà, chăm sóc cha mẹ chồng và các con đều do chị quán xuyến. Ngoài ra anh C còn có mối quan hệ với người phụ nữ khác đã bị chị T bắt gặp nhiều lần. Chị T đã cố chịu đựng vì các con và mong anh C thay đổi nhưng anh C không thay đổi làm cho tình cảm vợ chồng không còn. Chị T đã dọn về nhà cha mẹ ruột ở từ tháng 6 năm 2019 đến nay, trong thời gian này anh C không qua thăm nom, hỏi han gì chị. Nay chị T xác định không còn tình cảm với anh C, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh Phan Văn C.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị Trần Thị Ngọc T và anh Phan Văn C có ba con chung, cháu Phan Thanh V, sinh ngày 01/5/1999; cháu Phan Thanh D, sinh ngày 15/9/2001 và cháu Phan T, sinh ngày 16/10/2003. Sau khi ly hôn, chị Trần Thị Ngọc T giao hai cháu Phan Thanh D và cháu Phan T cho anh Phan Văn C nuôi dưỡng. Chị Trần Thị Ngọc T không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Cháu Phan Thanh V đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo biên bản lấy lời khai ngày 08 tháng 7 năm 2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Phan Văn C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất như trình bày của chị Trần Thị Ngọc T về thời gian tìm hiểu, đăng ký kết hôn, thời gian sống ly thân. Về mâu thuẫn vợ chồng anh Phan Văn C không thống nhất. Anh C là người lao động chính trong gia đình, chị T ở nhà chăm sóc cha mẹ chồng và con cái, ngoài ra không làm gì khác. Cuộc sống vợ chồng không có mâu thuẫn, anh C hết lòng yêu thương vợ, luôn dành sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ mọi chuyện với vợ. Anh luôn chung thủy với chị T, không có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác như chị T trình bày, do chị T hiểu lầm mối quan hệ giữa anh C và người bạn từ thủa nhỏ. Mặc dù anh C dành hết tình cảm cho chị T nhưng chị T không đón nhận tình cảm, sự quan tâm, không chịu chia sẻ với anh Công. Vì vậy, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, không có sự đồng cảm. Anh Phan Văn C xác định vẫn còn tình cảm, yêu thương chị Trần Thị Ngọc T nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Thống nhất như trình bày của chị Trần Thị Ngọc T. Quá trình chung sống có ba con chung, cháu Phan Thanh V, sinh ngày 01/5/1999; cháu Phan Thanh D, sinh ngày 15/9/2001 và cháu Phan T, sinh ngày 16/10/2003. Trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn, anh Phan Văn C đồng ý nuôi dưỡng hai con chung cháu Phan Thanh D, sinh ngày 15/9/2001 và cháu Phan T, sinh ngày 16/10/2003 và không yêu cầu chị Trần Thị Ngọc T cấp

dưỡng nuôi con chung. Về cháu Phan Thanh V đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa sơ thẩm Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Về hôn nhân, chị Trần Thị Ngọc T và anh Phan Văn C có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng sống không hạnh phúc do mâu thuẫn kéo dài, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó việc nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn và yêu cầu giải quyết về con chung là có cơ sở chấp nhận. Về tài sản chung và nợ chung nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về điều kiện thụ lý vụ án: Chị Trần Thị Ngọc T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với Phan Văn C. Anh Phan Văn C cư trú tại tổ 26, ấp 6, xã Thường Tân, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương nên đây là vụ án tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương được quy định tại khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Ngọc T và anh Phan Văn C là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thường Tân, huyện Tân Uyên (nay là huyện Bắc Tân Uyên), tỉnh Bình Dương vào ngày 18/4/2001 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 42, quyển số 02 nên quan hệ hôn nhân của chị T và anh C là hợp pháp. Chị Trần Thị Ngọc T xác định quá trình chung sống với anh Phan Văn C không hạnh phúc. Anh C không chăm lo cho gia đình, thường xuyên nhậu nhẹt, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Cuộc sống gia đình do một mình chị quán xuyến. Ngoài ra, anh C có mối quan hệ với người phụ nữ khác. Mặc dù chị T đã khuyên can, cho anh C cơ hội thay đổi để về với gia đình nhưng anh C không thay đổi. Chị T đã bỏ về nhà cha mẹ ruột từ tháng 6/2019 đến nay, nhưng anh C không quan tâm chăm sóc gì đến chị, chị T xác định không còn tình cảm với anh C; bản thân anh Phan Văn C thừa nhận vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, không có sự đồng cảm, chị T không đón nhận tình cảm và sự chăm sóc từ phía anh. Anh C xác định vợ chồng có mâu thuẫn từ năm 2014 nhưng vẫn còn tình cảm với vợ, không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp gì để hòa giải mâu thuẫn vợ chồng, để mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Từ thời điểm chị T dọn về nhà cha mẹ đến nay anh C không qua hỏi han, chăm sóc để hàn gắn tình cảm vợ chồng, hòa giải mâu thuẫn.

Xét để hôn nhân hạnh phúc thì cả hai vợ chồng phải có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, có sự chia sẻ, đồng cảm và tin tưởng. Anh C và chị T sống cùng một mái nhà nhưng mạnh ai lấy sống, không có sự đồng cảm, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, dẫn đến việc chị T không còn tình cảm với anh C. Anh C xác định còn tình cảm với chị T nhưng không có biện pháp gì để hòa giải mâu thuẫn vợ chồng. Theo kết quả xác minh của Tòa án tại địa phương thể hiện cuộc sống vợ chồng của anh C và chị T thường xảy ra mâu thuẫn, anh C thường xuyên say xỉn, đánh đập chị T. Mặc dù đã được chính quyền địa phương khuyên răn nhiều lần nhưng anh C không thay đổi. Qua đó thấy rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T và anh C đã thật sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị Trần Thị Ngọc T yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định của Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị Trần Thị Ngọc T và anh Phan Văn C có ba con chung, cháu Phan Thanh V, sinh ngày 01/5/1999; cháu Phan Thanh D, sinh ngày 15/9/2001 và cháu Phan T, sinh ngày 16/10/2003. Hiện con chung đang ở với anh C. Chị T yêu cầu giao hai con chung cháu Phan Thanh D và cháu Phan T cho anh C nuôi dưỡng. Anh C không đồng ý ly hôn nhưng trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì đồng ý nuôi hai con chung theo yêu cầu của chị T. Tại bản tự khai ngày 27/6/2019, cháu Phan Thanh D và cháu Phan T xác định có nguyện vọng được ở với anh C. Xét hai cháu là con trai, hiện đang ở với anh C nên việc giao cho anh C nuôi là phù hợp với quy định của pháp luật và nguyện vọng của các đương sự, đảm bảo sự phát triển tốt, lành mạnh cả về thể chất và tinh thần. Cháu Phan Thanh V đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Về việc cấp dưỡng nuôi con anh Phan Văn C không yêu câu chị Trần Thị Ngọc T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng. Xét đây là sự tự nguyện của anh Phan Văn C nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật, nên có cơ sở chấp nhận.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn: Chị Trần Thị Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Ngọc T được ly hôn với anh Phan Văn C (Giấy chứng nhận kết hôn số 42, quyển số 2 do Ủy ban nhân dân xã Thường Tân, huyện Tân Uyên (nay là huyện Bắc Tân Uyên), tỉnh Bình Dương cấp ngày 18/4/2001).

2. Về con chung: Giao cháu Phan Thanh D, sinh ngày 15/9/2001 và cháu Phan T, sinh ngày 16/10/2003 cho anh Phan Văn C trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Phan Văn C không yêu cầu chị Trần Thị Ngọc T cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau ly hôn, chị Trần Thị Ngọc T và anh Phan Văn C có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Trường hợp chị Trần Thị Ngọc T lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc anh Phan Văn C nuôi con thì anh Phan Văn C có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị Trần Thị Ngọc T theo quy định của pháp luật. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Trần Thị Ngọc T và anh Phan Văn C không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí về ly hôn được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0030599 ngày 19/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

5. Nguyên đơn, bị đơn có mặt được được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự (02);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (01);
- Chi cục THADS huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (01);
- UBND xã Thường Tân, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (01);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (02).

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Quyết